

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 - TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 299/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 25-8-2026

“V/v xác định mẹ cho con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thùy Linh;
2. Bà Nguyễn Thị Hoàng Oanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Vương Lệ Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1001/2026/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2026 về “*Tranh chấp xác định mẹ cho con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 301/2026/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị D, sinh năm 1989; địa chỉ: Ấp T (nay là ấp A), xã C, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Bà Huỳnh Tuyết Á, sinh năm 1982; địa chỉ: Khu phố B, phường T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thanh K, sinh năm 1985; địa chỉ: Số A lầu A, đoạn 2, lộ T, khu T, thành phố T, Đài Loan, Trung Quốc (có đơn xin vắng mặt);

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Chang Chin L, sinh năm 1959; địa chỉ: Số A lầu A, đoạn 2, lộ T, khu T, thành phố T, Đài Loan, Trung Quốc; Thẻ căn cước số: K1210753110, Quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan). (có đơn xin vắng

mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Năm 2016, bà D xuất cảnh sang Đài Loan theo diện xuất khẩu lao động. Đến năm 2018, do công việc bấp bênh, bà D ra ngoài làm việc tự do và trở thành lao động cư trú bất hợp pháp. Trong thời gian này, bà D mang thai. Tháng 8/2021, do hoàn cảnh khó khăn và không có giấy tờ hợp pháp, bà D đến nương nhờ tại nhà bà Nguyễn Thanh K (là chị chồng của bà D) tại Đài Loan. Ngày 03/5/2019, bà D có dấu hiệu sinh con, bà K trực tiếp đưa bà D vào cấp cứu tại Bệnh viện C. Tại bệnh viện, bà D sinh được một bé gái đặt tên Nguyễn Mai T. Do bà D đang cư trú bất hợp pháp nên không có giấy tờ tùy thân hợp pháp nào để làm thủ tục với bệnh viện, bà K đã cho bà D mượn giấy tờ tùy thân của bà để làm thủ tục nhập viện và hộ sản. Do đó, bệnh viện đã giấy chứng sinh ghi nhận tên người mẹ là Nguyễn Thanh K.

Cháu T đã được vợ chồng bà Nguyễn Thanh K và ông Chang Chin L cho nhập quốc tịch Việt Nam từ năm 2022 và bà D chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T từ khi sinh ra cho đến nay.

Bà D và cháu T đã tiến hành xét nghiệm ADN và đã có kết luận: bà Bùi Thị D và cháu Nguyễn Mai T có quan hệ huyết thống Mẹ - Con ruột với độ tin cậy 99,99%.

Nay bà D yêu cầu xác định bà là mẹ ruột của cháu Nguyễn Mai T, sinh ngày 03/5/2019 và công nhận quan hệ mẹ con giữa bà D và cháu Nguyễn Mai T để làm căn cứ điều chỉnh các thông tin hộ tịch của cháu Nguyễn Mai T theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thanh K trình bày tại Bản tự khai:

Bà là chị chồng của bà Bùi Thị D. Ngày 03/5/2019, tại Bệnh viện C, bà là người trực tiếp đưa bà D vào bệnh viện để sinh con. Do thời điểm đó bà D cư trú bất hợp pháp và không có giấy tờ tùy thân nên bà đã cho bà D mượn giấy tờ tùy thân của bà để làm thủ tục nhập viện. Vì vậy, Giấy chứng sinh của bệnh viện đã ghi nhận tên người mẹ là tên của bà K. Tuy nhiên, bà khẳng định cháu Nguyễn Mai T là con ruột của bà D do bà D mang thai và sinh ra, hoàn toàn không phải con của bà.

Nay bà D yêu cầu xác định bà là mẹ ruột của cháu Nguyễn Mai T, sinh ngày 03/5/2019 và công nhận quan hệ mẹ con giữa bà D và cháu Nguyễn Mai T để làm

căn cứ điều chỉnh các thông tin hộ tịch của cháu Nguyễn Mai T theo quy định của pháp luật, bà K đồng ý yêu cầu của bà D và cháu Nguyễn Mai T về việc xác định quan hệ Mẹ- Con giữa bà D và cháu Nguyễn Mai T. Bà K đồng ý tạo mọi điều kiện để bà D tiến hành các thủ tục hộ tịch, làm giấy khai sinh và các thủ tục pháp lý cần thiết khác cho cháu Nguyễn Mai T theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông CHANG CHIN L trình bày tại bản tự khai: Ông thống nhất theo lời trình bày của bà Nguyễn Thanh K, ông không bổ sung gì thêm. Ông thừa nhận cháu Nguyễn Mai T là con đẻ của bà Bùi Thị D . Ông đồng ý yêu cầu của bà D và cháu Nguyễn Mai T về việc xác định quan hệ mẹ- con giữa bà D và cháu Nguyễn Mai T. Ông đồng ý tạo mọi điều kiện để bà D tiến hành các thủ tục hộ tịch, làm giấy khai sinh và các thủ tục pháp lý cần thiết khác cho cháu Nguyễn Mai T theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Tại phiên toà:

- Người đại diện theo ủy quyền của bà D; bà K và ông Chang Chin L có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Toà án khu vực 10 - Tây Ninh phát biểu quan điểm như sau:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án đều thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Căn cứ Điều 89, 91, 101, 102, 128 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Thị D đối với bà Nguyễn Thanh K về “Tranh chấp yêu cầu xác định mẹ cho con”.

Xác định bà Bùi Thị D, sinh ngày 23/3/1989; Số CCCD: 017....., do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày là mẹ đẻ của cháu Nguyễn Mai T, sinh ngày 03/5/2019 (Giấy khai sinh số 1110005, ngày 04/5/2022 của Bệnh viện Đ, No.2, L, J., Xizhi D1, N, T (R.O.C)).

Bà Bùi Thị D có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký khai sinh (hoặc ghi chú) và các giấy tờ về hộ tịch cho cháu Nguyễn Mai T theo quy định của pháp luật.

Đương sự được miễn án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị D xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Xác định mẹ cho con*” theo quy định tại khoản 4 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh theo quy định tại khoản 2 Điều 128 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, các đương sự trong vụ án đều vắng mặt và có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

Năm 2016, bà D xuất cảnh sang Đài Loan theo diện xuất khẩu lao động. Đến năm 2018, do công việc bấp bênh, bà D ra ngoài làm việc tự do và trở thành lao động cư trú bất hợp pháp. Trong thời gian này, bà D mang thai. Do hoàn cảnh khó khăn và không có giấy tờ hợp pháp nên bà D đến nương nhờ tại nhà bà Nguyễn Thanh K (là chị chồng của bà D) tại Đài Loan, chồng của bà K là ông Chang Chin L.

Ngày 03/5/2019, bà D có dấu hiệu sinh con, bà K trực tiếp đưa bà D đến cấp cứu tại bệnh viện C. Tại bệnh viện, bà D sinh được một bé gái đặt tên là Nguyễn Mai T. Do thời điểm này bà D đang cư trú bất hợp pháp nên không có giấy tờ tùy thân hợp pháp nào để làm thủ tục với bệnh viện nên bà K đã cho bà D mượn giấy tờ tùy thân của bà K để làm thủ tục nhập viện và sinh cháu T. Do đó, giấy khai sinh của cháu T được bệnh viện C ghi nhận tên mẹ là Nguyễn Thanh K và tên cha là Chang Chin L. Cháu T đã được vợ chồng bà Nguyễn Thanh K và ông Chang Chin L cho nhập quốc tịch Việt Nam từ năm 2022 và cháu T do bà D chăm sóc, nuôi dưỡng từ khi sinh ra cho đến nay.

Tại bản Kết quả xét nghiệm ADN số A900 ngày 23/7/2025 của Viện Sinh học Phân tử L1 kết luận bà Bùi Thị D có quan hệ huyết thống mẹ – con với cháu Nguyễn Mai T, độ tin cậy > 99,9999%.

Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận bà Bùi Thị D, sinh năm 1989; địa chỉ: ấp T, xã C,

tỉnh Tây Ninh; Số CCCD: 017189000133, do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 20/02/2024, là mẹ đẻ của cháu Nguyễn Mai T, sinh ngày 03/5/2019 theo Giấy khai sinh số 1110005, cấp ngày 04/5/2022 của bệnh viện Đ theo quy định tại Điều 88 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Từ phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Diệu .

[3] Về án phí:

Bà Bùi Thị D khởi kiện yêu cầu xác định cha cho con chưa thành niên nên được miễn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà D được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí khởi kiện đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

Bà Nguyễn Thanh K và ông Chang Chin L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh tại phiên toà là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 69, 71, 72, 73, 88, 89 và khoản 2 Điều 128 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm b khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị D về “*Tranh chấp xác định mẹ cho con*” đối với bà Nguyễn Thanh K.

Xác định bà Bùi Thị D, sinh ngày 23/3/1989; Số CCCD: 017189000133, do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 20/02/2024 là mẹ đẻ của cháu Nguyễn Mai T, sinh ngày 03/5/2019 (Giấy khai sinh số 1110005, ngày 04/5/2022 của Bệnh viện Đ, No.2, L, J., Xizhi D1, N, T (R.O.C)).

Bà Bùi Thị D có quyền và nghĩa vụ của mẹ đối với cháu Nguyễn Mai T theo quy định tại Điều 69, 71, 72, 73 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Bà Bùi Thị D có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để

đăng ký khai sinh (hoặc ghi chú) và các giấy tờ về hộ tịch cho cháu Nguyễn Mai T theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

- Bà Bùi Thị D được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí khởi kiện bà đã nộp số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn*) đồng tại Biên lai thu số 0013500 ngày 12/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

- Bà Nguyễn Thanh K và ông Chang Chin L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 01 tháng tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7 và 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND KV10-Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- THADS KV10-Tây Ninh;
- UBND xã Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Quốc Hùng